

Số: 203/QĐ-CDNBK

Hà Nội, ngày 24 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

V/v: Công bố điểm chuẩn trúng tuyển đợt I hệ Cao đẳng K18 Khóa 2026-2029

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ BÁCH KHOA HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định thành lập trường Cao đẳng nghề Bách Khoa Hà Nội, số 526/QĐ-BLĐTBXH, ngày 23 tháng 4 năm 2009 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Quyết định ban hành Quy chế tuyển sinh, số 48/QĐ-CDNBK, ngày 27/02/2026, của trường Cao đẳng nghề Bách khoa Hà Nội;

Căn cứ kết quả xét tuyển của Hội đồng tuyển sinh Trường Cao đẳng nghề Bách Khoa Hà Nội, họp ngày 22 tháng 06 năm 2026 phê chuẩn điểm chuẩn trúng tuyển đợt I năm 2026 cho các nghề đào tạo;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Truyền thông & Tuyển sinh.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt mức điểm chuẩn trúng tuyển đợt I hệ Cao đẳng chính quy năm 2026 cho các nghề đào tạo của Trường Cao đẳng nghề Bách Khoa Hà Nội, phương thức xét tuyển theo tổ hợp lấy kết quả học bạ lớp 12 THPT hoặc tương đương (Có Phụ lục chi tiết kèm theo).

Điều 2. Phòng Truyền thông & Tuyển sinh chịu trách nhiệm công bố công khai kết quả tuyển sinh đợt I và gửi thông báo trúng tuyển cho thí sinh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Trường các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban giám hiệu (để b/c)
- Như điều 3;
- Lưu: HCTC;

HIỆU TRƯỞNG 
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TS. Nguyễn Tiến Long

DANH SÁCH ĐIỂM TRÚNG TUYỂN HỆ CAO ĐẲNG KHÓA 18 - ĐỢT 1 (Từ ngày 06/05 - 19/06/2026)


(Kèm theo QĐ số: 103/QĐ-CĐNBK ngày 24 tháng 6 năm 2026)

STT	MÃ NGHỀ	TÊN NGHỀ	TỔ HỢP XÉT TUYỂN	ĐIỂM TRÚNG TUYỂN										GHI CHÚ
				Nguyên vọng 1	Nguyên vọng 2	Nguyên vọng 3	Nguyên vọng 4	Nguyên vọng 5	Nguyên vọng 6	Nguyên vọng 7	Nguyên vọng 8	Nguyên vọng 9	Nguyên vọng 10	
1	6480209	Nghề Quản trị mạng máy tính	A00; A01; A02; B00; D07; D08; K01; TH5; X06; X07; X10; X11; X14; X15; X26; X56	6	6.1	6.2	6.3	6.4	6.5	6.6	6.7	6.8	6.9	
2	6480207	Nghề Lập trình máy tính	A00; A01; A02; B00; D07; D08; K01; TH5; X06; X07; X10; X11; X14; X15; X26; X56	6	6.1	6.2	6.3	6.4	6.5	6.6	6.7	6.8	6.9	
3	6210402	Nghề Thiết kế đồ họa	A00; A01; A02; B00; D07; D08; K01; V00; V02; X06; X07; X10; X11; X14; X15; X26; X27; X56; H04	6.5	6.6	6.7	6.8	6.9	7	7.1	7.2	7.3	7.4	
4	6520263	Nghề Cơ điện tử	A00; A01; A02; B00; D07; D08; K01; TH5; X06; X07; X10; X11; X14; X15; X26	6.5	6.6	6.7	6.8	6.9	7	7.1	7.2	7.3	7.4	
5	6510216	Nghề Công nghệ ô tô	A00; A01; A02; B00; D07; D08; K01; TH5; X06; X07; X10; X11; X14; X15; X26	7	7.1	7.2	7.3	7.4	7.5	7.6	7.7	7.8	7.9	
6	6520225	Nghề Điện tử công nghiệp	A00; A01; A02; B00; D07; D08; K01; TH5; X06; X07; X10; X11; X14; X15; X26	6.5	6.6	6.7	6.8	6.9	7	7.1	7.2	7.3	7.4	
7	6520224	Nghề Điện tử dân dụng	A00; A01; A02; B00; D07; D08; K01; TH5; X06; X07; X10; X11; X14; X15; X26	6	6.1	6.2	6.3	6.4	6.5	6.6	6.7	6.8	6.9	
8	6340302	Nghề Kế toán doanh nghiệp	A00; A01; A02; B00; D07; D08; K01; TH5; X06; X07; X10; X11; X14; X15; X26	6	6.1	6.2	6.3	6.4	6.5	6.6	6.7	6.8	6.9	
9	6340417	Nghề Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	A00; A01; C01; C02; C03; D01; D07; TH3; TH4; X01; X05; X07; X09; X11; X25; X27; X54; X58; X62; X78; Y08	6	6.1	6.2	6.3	6.4	6.5	6.6	6.7	6.8	6.9	
10	6520227	Nghề Điện công nghiệp	A00; A01; A02; B00; D07; D08; K01; TH5; X06; X07; X10; X11; X14; X15; X26	6.5	6.6	6.7	6.8	6.9	7	7.1	7.2	7.3	7.4	
11	6520226	Nghề Điện dân dụng	A00; A01; A02; B00; D07; D08; K01; TH5; X06; X07; X10; X11; X14; X15; X26	6.5	6.6	6.7	6.8	6.9	7	7.1	7.2	7.3	7.4	
12	6520205	Nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	A00; A01; A02; B00; D07; D08; K01; TH5; X06; X07; X10; X11; X14; X15; X26	6.5	6.6	6.7	6.8	6.9	7	7.1	7.2	7.3	7.4	
13	6340122	Nghề Thương mại điện tử	A00; A01; C00; C01; C02; C03; D01; D07; K01; X01; X05; X06; X07; X09; X10; X11; X25; X26; X27; X54; X58; X62; X78; Y07; Y08	6.5	6.6	6.7	6.8	6.9	7	7.1	7.2	7.3	7.4	



les

14	6520227 CLC	Nghề Điện công nghiệp - Chương trình chất lượng cao	A00; A01; A02; B00; D07; D08; K01; TH5; X06; X07; X10; X11; X14; X15; X26	6.5	6.6	6.7	6.8	6.9	7	7.1	7.2	7.3	7.4	
15	6520264	Nghề Tự động hóa công nghiệp	A00; A01; A02; B00; D07; D08; K01; TH5; X06; X07; X10; X11; X14; X15; X26	6.5	6.6	6.7	6.8	6.9	7	7.1	7.2	7.3	7.4	
16	6510212	Nghề Công nghệ chế tạo máy	A00; A01; A02; B00; D07; D08; K01; TH5; X06; X07; X10; X11; X14; X15; X26	6.5	6.6	6.7	6.8	6.9	7	7.1	7.2	7.3	7.4	
17	6510312	Nghề Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông	A00; A01; A02; B00; D07; D08; K01; TH5; X06; X07; X10; X11; X14; X15; X26	6.5	6.6	6.7	6.8	6.9	7	7.1	7.2	7.3	7.4	
18	6520263 CLC	Nghề Cơ điện tử - Chương trình Chất lượng cao	A00; A01; A02; B00; D07; D08; K01; TH5; X06; X07; X10; X11; X14; X15; X26	6.5	6.6	6.7	6.8	6.9	7	7.1	7.2	7.3	7.4	
19	6520225 CLC	Nghề Điện tử công nghiệp - Chương trình Chất lượng cao	A00; A01; A02; B00; D07; D08; K01; TH5; X06; X07; X10; X11; X14; X15; X26	6.5	6.6	6.7	6.8	6.9	7	7.1	7.2	7.3	7.4	
20	6480202	Nghề Công nghệ thông tin	A00; A01; A02; B00; D07; D08; K01; TH5; X06; X07; X10; X11; X14; X15; X26; X56	6.5	6.6	6.7	6.8	6.9	7	7.1	7.2	7.3	7.4	
21	6210402 CLC	Nghề Thiết kế đồ họa - Chương trình Chất lượng cao	A00; A01; A02; B00; D07; D08; K01; V00; V02; X06; X07; X10; X11; X14; X15; X26; X27; X56; H04	6.5	6.6	6.7	6.8	6.9	7	7.1	7.2	7.3	7.4	

Hà Nội, ngày 24 tháng 6 năm 2026
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH *le*

TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ BÁCH KHOA HÀ NỘI
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TS. Nguyễn Tiến Long